

PHẦN 1: CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Ý tưởng về xây dựng Cộng đồng ASEAN được khởi nguồn từ khi

- A. Các nước ASEAN kí Hiệp ước Ba -li (1976).
- B. thành lập tổ chức ASEAN (1967) tại Thái Lan.**
- C. tổ chức ASEAN có đủ 10 thành viên (1999).
- D. vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết (1991).

Câu 2. Nội dung nào sau đây **không** là triển vọng của Cộng đồng ASEAN?

- A. Sự vươn lên của khu vực Đông Nam Á.
- B. ASEAN có quan hệ rộng lớn với các đối tác bên ngoài.
- C. Vị thế của ASEAN ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.
- D. ASEAN trở thành một trong những trung tâm toàn cầu về quân sự.**

Câu 3. Một trong những nội dung hợp tác của Cộng đồng ASEAN là:

- A. quân sự.
- B. đối ngoại.
- C. kinh tế.**
- D. dân chủ.

Câu 4. Mục tiêu xây dựng cộng đồng ASEAN là

- A. biến ASEAN thành tổ chức hợp tác mạnh nhất.
- B. các nước đoàn kết giúp đỡ nhau khi bị xâm lược.
- C. củng cố khối đoàn kết của ASEAN trên vấn đề quân sự.
- D. đưa ASEAN trở thành một cộng đồng ràng buộc hơn.**

Câu 5. Đây là cơ sở pháp lý để các nước Đông Nam Á xây dựng Cộng đồng ASEAN?

- A. Hiến chương ASEAN.**
- B. Tuyên bố Băng - cốc.
- C. Hiến chương Liên hợp quốc.
- D. Hiệp ước Ba-li 1976.

Câu 6. Cộng đồng ASEAN có bao nhiêu trụ cột?

- A. 5
- B. 7
- C. 9
- D. 3**

Câu 7. Đây không phải là một trong những trụ cột của Cộng đồng ASEAN?

- A. Cộng đồng Chính trị - An ninh.
- B. Cộng đồng Văn hóa - Xã hội.
- C. Cộng đồng An ninh - Quốc phòng.**
- D. Cộng đồng Kinh tế.

Câu 8. Hợp tác kinh tế giữa các nước ASEAN tăng lên nhanh chóng từ khi

- A. Cộng đồng Kinh tế ASEAN được thành lập.**
- B. Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 10 (2004).
- C. Tuyên bố chung Cua-la Lăm-pơ (tại Malaxia).
- D. Hội nghị cấp cao của ba nước Đông Dương.

Câu 9. Một trong những thách thức mà Cộng đồng ASEAN phải đối mặt trong quá trình xây dựng và phát triển là

- A. sự đa dạng về chế độ chính trị.**
- B. gặp những khó khăn về địa lý.
- C. một số quốc gia không có biển.
- D. khí hậu ngày càng khắc nghiệt.

Câu 10. Một trong những thách thức về kinh tế mà Cộng đồng ASEAN phải đối mặt trong quá trình xây dựng và phát triển là

- A. sự đa dạng về chế độ chính trị.
- B. sự xung đột lãnh thổ, biên giới.
- C. chênh lệch trình độ phát triển.**
- D. những vấn đề lịch sử sâu xa.

Câu 11. Nguyên tắc hoạt động quan trọng nhất của Cộng đồng Chính trị - An ninh (APSC) là

- A. tôn trọng quyền con người.
- B. tuân thủ luật pháp quốc tế.**
- C. thực hiện tự do, dân chủ.
- D. đảm bảo hòa bình, an ninh.

Câu 12. Nội dung nào sau đây là mục tiêu hướng tới của các nước Đông Nam Á khi xây dựng Cộng

đồng Kinh tế ASEAN?

A. thu hẹp khoảng cách giữa các nước ASEAN về dân trí.

B. giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách về kinh tế - xã hội.

C. xây dựng một ASEAN giàu có, không vũ khí hạt nhân.

D. đưa ASEAN trở thành tổ chức liên kết lớn nhất thế giới.

Câu 13. Nội dung nào sau đây là mục tiêu hướng tới của các nước Đông Nam Á khi xây dựng Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN?

A. thu hẹp khoảng cách giữa các nước ASEAN về dân trí.

B. xây dựng tình đoàn kết, hữu nghị giữa các nước ASEAN.

C. xây dựng một ASEAN giàu có, không có vũ khí hạt nhân.

D. đưa ASEAN trở thành tổ chức liên kết lớn nhất thế giới.

Câu 14. Tham gia vào Cộng đồng ASEAN sẽ đem lại những cơ hội nào cho Việt Nam để tiến hành xây dựng kinh tế đất nước?

A. Nhận được sự đầu tư về vốn, tiếp thu khoa học công nghệ.

B. Có thêm lực lượng đương đầu với Trung Quốc ở Biển Đông.

C. Nâng cao vị thế quốc tế để gia nhập vào Hội đồng bảo an.

D. Khắc phục được tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

Câu 15. “*Xây dựng một môi trường hoà bình và an ninh cho sự phát triển ở khu vực Đông Nam Á*” là một trong những mục tiêu của

A. Cộng đồng Kinh tế - Tài chính ASEAN.

B. Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN.

C. Cộng đồng Văn hoá - Thể thao ASEAN.

D. Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN.

Câu 16. Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức được tổ chức tại Ma – lai – xi – a (1997) đã thông qua văn kiện quan trọng nào sau đây?

A. Tuyên bố ASEAN.

B. Tuyên bố Cua – la Lăm – pơ.

C. Hiến chương ASEAN.

D. Tầm nhìn ASEAN 2020.

Câu 17. Nội dung nào sau đây là điều kiện khách quan thuận lợi cho Cách mạng tháng Tám nổ ra?

A. Chiến tranh thế giới thứ hai đã bùng nổ.

B. phát xít Đức đầu hàng quân Đồng minh.

C. Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản.

D. Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

Câu 18. Thời cơ của Tổng khởi nghĩa tháng Tám được xác định trong khoảng thời gian từ khi

A. Nhật đảo chính Pháp đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

B. Mỹ tuyên chiến với Nhật đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

C. Hồng quân Liên Xô tấn công quân đội Nhật Bản ở Đông Bắc Trung Quốc.

D. Nhật đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

Câu 19. Tổ chức nào sau đây được thành lập vào ngày 13-8-1945?

A. Ủy ban Khởi nghĩa Việt Minh.

B. Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.

C. Mặt trận Dân tộc khởi nghĩa.

D. Mặt trận Khởi nghĩa toàn quốc.

Câu 20. Bốn tỉnh giành được chính quyền sớm nhất cả nước trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

A. Bắc Ninh, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

B. Hải Dương, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

C. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

D. Hà Nam, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Nam.

Câu 21. Từ ngày 19 đến ngày 25-8-1945, khởi nghĩa lần lượt thắng lợi ở những địa phương nào sau đây?

- A. Hà Nội, Huế, Sài Gòn.
- B. Huế, Sài Gòn, Hà Nội.
- C. Huế, Hà Nội, Sài Gòn.
- D. Sài Gòn, Huế, Hà Nội.

Câu 22. Ngày 13/8/1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã thông qua quyết định nào dưới đây?

- A. Quyết định khởi nghĩa ở Hà Nội.
- B. Đã phát động cao trào kháng Nhật.
- C. Phát lệnh Tổng khởi nghĩa cả nước.
- D. Thống nhất lực lượng vũ trang Việt Nam.

Câu 23. Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Tân Trào (14- 15/8/1945) đã thông qua kế hoạch nào sau đây?

- A. Thống nhất các lực lượng vũ trang.
- B. Quyết định khởi nghĩa ở Hà Nội.
- C. Lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa.
- D. Giải phóng dân tộc trong năm 1945.

Câu 24. Sự kiện nào sau đây đánh dấu nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập?

- A. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập (2/9/1945).
- B. Đại hội quốc dân họp ở Tân Trào (8/1945).
- C. Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng (8/1945)
- D. Tiến hành Tổng tuyển cử bầu Quốc hội (1/1946).

Câu 25. Cuộc tập dượt đầu tiên chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám (1945) là

- A. Phong trào Đông Du.
- B. Phong trào Cần Vương.
- C. Phong trào 1930 - 1931.
- D. Phong trào 1936 - 1939.

Câu 26. Một trong những nguyên nhân khách quan dẫn tới thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945) là

- A. những thắng lợi của khối Đồng minh.
- B. sự chuẩn bị của Đảng trong 15 năm.
- C. tinh thần đoàn kết của nhân dân.
- D. sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc.

Câu 27. Nguyên nhân nào sau đây là nhân tố quyết định dẫn tới thắng lợi của Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1945)?

- A. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng.
- B. Tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản.
- C. Nhật đầu hàng quân Đồng minh.
- D. Thắng lợi của Hồng quân Liên Xô.

Câu 28. Lực lượng nào sau đây đóng vai trò quyết định đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945)?

- A. Vũ trang.
- B. Chính trị.
- C. Trí thức.
- D. Nông dân.

Câu 29. Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong Cách mạng tháng Tám đã có tác động như thế nào đến phong trào cách mạng thế giới?

- A. Làm thất bại chiến lược toàn cầu của Mỹ.
- B. Cổ vũ phong trào cách mạng trên thế giới.
- C. Góp phần cho sự ra đời của hơn 100 nước.
- D. Xây dựng vững chắc thành trì cách mạng.

Câu 30. Bài học kinh nghiệm nào sau đây được Đảng Cộng sản Đông Dương rút ra về tập hợp, tổ chức lực lượng, phân hóa và cô lập kẻ thù trong Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Thành lập mặt trận thống nhất rộng rãi trên cơ sở liên minh công - nông.
- B. Giải quyết tốt những yêu cầu và nguyện vọng trước mắt của quần chúng.
- C. Tập trung tất cả các lực lượng để tấn công nhiều kẻ thù cùng một lúc.
- D. Triệt để tận dụng những điều kiện khách quan và chủ quan thuận lợi.

Câu 31. Một trong những bài học được rút ra từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 có ý nghĩa quan trọng trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay là

- A. tận dụng, phát huy truyền thống đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương.
- B. kết hợp xây dựng lực lượng vũ trang với sức mạnh của lực lượng quốc tế.
- C. cần dự đoán chính xác và nhanh chóng nắm bắt thời cơ để giành thắng lợi.
- D. linh hoạt, quyết đoán trong việc kết hợp các hình thức đấu tranh ngoại giao.

Câu 32. Sự kiện nào dưới đây đánh dấu chế độ phong kiến ở Việt Nam sụp đổ hoàn toàn?

- A. Giành được chính quyền ở Hà Nội.
- B. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.
- C. Khởi nghĩa thắng lợi trong cả nước.
- D. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập.

Câu 33. Nội dung nào sau đây **không** phải ý nghĩa lịch sử về thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trên thế giới.
- B. Mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc Việt Nam.
- C. Pháp phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.
- D. Mở đầu kỉ nguyên mới của dân tộc - kỉ nguyên độc lập, tự do.

Câu 34. Một trong những bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là

- A. quan hệ giữa hệ thống tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa ngày càng hoà dịu và chuyển sang hợp tác.
- B. phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, phụ thuộc phát triển mạnh mẽ.
- C. trên thế giới, Trật tự thế giới hai cực I-an-ta nhanh chóng xói mòn.
- D. nước Pháp ngày càng củng cố thành công địa vị cường quốc toàn cầu.

Câu 35. Những yếu tố nào sau đây có tác động to lớn đến tình hình Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp?

- A. Sự thiết lập của trật tự thế giới đa cực, sự chi phối của Mỹ.
- B. Sự tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta, Chiến tranh lạnh.
- C. Tình trạng chạy đua vũ trang giữa các nước, trật tự đơn cực.
- D. Sự thiết lập Trật tự Véc-xai - Oa-sinh-ton, Chiến tranh lạnh.

Câu 36. Một trong những khó khăn thử thách mà cách mạng Việt Nam phải đương đầu sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945) là

- A. các nước đế quốc bao vây, cấm vận kinh tế.
- B. những hậu quả nặng nề của chiến tranh để lại.
- C. quân đội các nước Đồng minh lũ lượt kéo vào.
- D. quân Tưởng hỗ trợ cho Pháp đánh Nam Bộ.

Câu 37. Khi Pháp xâm lược Nam Bộ, Đảng và Chính phủ Việt Nam đã có hành động nào sau đây?

- A. Đã tiến hành đàm phán khẩn cấp với Pháp.
- B. Tổ cáo hành vi của Pháp đến Liên hợp quốc.
- C. Đưa toàn bộ quân đội vào Nam chiến đấu.
- D. Huy động cả nước để chi viện cho Nam Bộ.

Câu 38. Một trong những nội dung của đường lối kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) là

- A. đoàn kết kháng chiến.
- B. vườn không nhà trống.

C. toàn dân kháng chiến.

D. đánh nhanh thắng nhanh.

Câu 39. Đây là một trong những thắng lợi mà nhân dân Việt Nam đã giành được trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)?

A. Chiến thắng An Lão.

B. Chiến thắng Việt Bắc.

C. Chiến thắng Cửa Việt.

D. Chiến thắng Vạn Tường.

Câu 40. Một trong những nội dung của phương hướng tiến công chiến lược trong Đông Xuân 1953 - 1954 buộc Pháp phải

A. tập trung lực lượng.

B. phân tán lực lượng.

C. chiếm đất giành dân.

D. đánh nhanh rút gọn.

Câu 41. Một trong những mục tiêu của Việt Nam khi mở chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) là

A. tiêu diệt sinh lực địch.

B. kết thúc chiến tranh.

C. mở rộng căn cứ địa.

D. liên lạc với bên ngoài.

Câu 42. Chiến dịch tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ diễn ra trong bao nhiêu đợt?

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

Câu 43. Một trong những nguyên nhân chủ quan dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) là

A. sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

B. viện trợ to lớn của Trung Quốc.

C. ba nước Đông Dương đoàn kết.

D. phong trào phản đối chiến tranh.

Câu 44. Quân dân Việt Nam đã giành quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ sau thắng lợi của chiến dịch nào sau đây?

A. Tầm Vu (1948).

B. Biên Giới (1950).

C. Việt Bắc (1947).

D. Hòa Bình (1951).

Câu 45. Pháp đề ra kế hoạch Nava (1953) với mục đích chính là

A. kết thúc chiến tranh trong danh dự.

B. đưa được tù binh Pháp trở về nước.

C. tiêu diệt hoàn toàn bộ đội Việt Nam.

D. thành lập Liên bang Đông Dương.

Câu 46. Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945 - 1954 là

A. kháng chiến và kiến quốc.

B. kháng chiến và lao động.

C. chiến đấu và sản xuất.

D. kháng chiến và cải cách.

Câu 47. Một trong những điểm mới trong Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (2 - 1951) là

A. đã nghe và thông qua Báo cáo chính trị.

B. xác định nhiệm cách mạng từng miền.

C. đưa Đảng ra hoạt động công khai.

D. tổng kết kinh nghiệm đấu tranh của Đảng.

Câu 48. Sự kiện nào sau đây đánh dấu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam (1945 - 1954) hoàn toàn thắng lợi?

A. Hiệp định Pa-ri được kí kết.

B. Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết.

C. Chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi.

D. Pháp phải đàm phán tại Giơ-ne-vơ.

Câu 49. Cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam (1945 - 1954) có ý nghĩa quốc tế nào sau đây?

A. Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít của các lực lượng dân chủ.

B. Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

C. Đã đánh dấu sự sụp đổ căn bản của chủ nghĩa thực dân mới.

D. Mở đầu sự mở rộng không gian của chủ nghĩa xã hội ở châu Á.

Câu 50. Bài học kinh nghiệm nào sau đây được rút ra từ cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) vẫn còn nguyên giá trị đến ngày nay?

A. Phát huy tinh thần yêu nước của nhân dân.

B. Xây dựng nhiều tập đoàn quân chiến đấu.

C. Thực hiện cùng lúc bốn nhiệm vụ chiến lược.

D. Tham gia khối liên minh quân sự của Liên Xô.

Câu 51. Đây là bài học kinh nghiệm trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) được tiếp tục vận dụng trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)?

A. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

B. Kiên trì nguyên tắc “Dĩ bất biến ứng vạn biến”.

C. Thực hiện cùng lúc nhiều nhiệm vụ chiến lược.

D. Tham gia khối liên minh quân sự của Liên Xô.

Câu 52. Một trong những điểm tương đồng về mục tiêu mở các chiến dịch trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) của quân và dân Việt Nam là

A. củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

B. tiêu diệt bộ phận sinh lực địch.

C. giải phóng Tây Bắc, Trung Lào.

D. để đánh bại kế hoạch bình định.

Câu 53. Sau Đại hội đại biểu lần thứ II (2-1951), Đảng Cộng sản Đông Dương có tên gọi là

A. Đảng Lao động Việt Nam.

B. Việt Nam quốc dân đảng.

C. An Nam Cộng sản đảng.

D. Đông Dương Cộng sản đảng.

Câu 54. Từ 1954 đến 1956, miền Bắc thực hiện cải cách ruộng đất với mục tiêu nào sau đây?

A. Người cày có ruộng.

B. Đánh đuổi đế quốc.

C. Công bằng và dân chủ.

D. Thống nhất đất nước.

Câu 55. Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi” (1959 - 1960) ở miền Nam Việt Nam?

A. Lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm. B. Đánh bại “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ.

C. Bước phát triển mới của cách mạng miền Nam. D. Cách mạng miền Nam chuyển sang thế phản công.

Câu 56. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9/1960) đã xác định nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là

A. vừa kháng chiến vừa kiến quốc, xây dựng căn cứ địa.

B. đấu tranh đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ.

C. hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

D. khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương của chiến tranh.

Câu 57. Nghị quyết 15 của Đảng Lao động Việt Nam (1959) ra đời trong hoàn cảnh

A. Liên Xô, Trung Quốc ủng hộ mạnh mẽ. B. thời cơ để tiến công cách mạng đã đến.

C. lực lượng vũ trang ba thứ quân phát triển. D. cách mạng miền Nam bị tổn thất nặng nề.

Câu 58. Trong giai đoạn từ 1954 đến 1959, mục tiêu đấu tranh chủ yếu của nhân dân miền Nam là

A. đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ.

B. xây dựng và phát triển các lực lượng vũ trang.

C. chuẩn bị tổ chức các cuộc phản công quân sự.

D. xây dựng các căn cứ địa ở nông thôn, rừng núi

Câu 59. Từ năm 1961 - 1965, Mỹ thực hiện chiến lược chiến tranh nào ở miền Nam Việt Nam?

A. Chiến tranh đặc biệt.

B. Chiến tranh cục bộ.

C. Chiến tranh đơn phương.

D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 60. Âm mưu cơ bản của Mỹ trong chiến lược “chiến tranh đặc biệt” là

A. dùng người Việt đánh người Việt.

B. dùng chiến tranh nuôi chiến tranh.

C. giành lại quyền chủ động đã bị mất.

D. ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc.

Câu 61. Một trong những thắng lợi của quân dân miền Nam trong cuộc chiến đấu chống chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ (1961 - 1965) là

A. Núi Thành.

B. Đồng Xoài.

C. Vạn Tường.

D. Đồng khởi.

Câu 62. Chiến thuật nào sau đây được Mỹ sử dụng trong chiến lược “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam Việt Nam (1965 - 1968)?

A. Tìm diệt và bình định.

B. Đánh chắc tiến chắc.

C. Chiến tranh tổng lực.

D. Bình định lần chiếm.

Câu 63. Sau thất bại của chiến lược chiến tranh cục bộ (1965 - 1968), Mỹ đã làm gì để tiếp tục thực hiện âm mưu biến miền Nam thành căn cứ quân sự, thuộc địa kiểu mới?

A. Gây cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần ba.

B. Tuyên bố “Mỹ hóa trở lại” chiến tranh xâm lược.

C. Thực hiện chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh.

D. Thực hiện chiến lược chiến tranh đặc biệt mới.

Câu 64. Thực chất của các “áp chiến lược” mà Mỹ và tay sai lập ra ở miền Nam là

A. chiến thuật mới của Mỹ.

B. trai tập trung trá hình.

C. vùng căn cứ biệt kích.

D. hậu phương kháng chiến.

Câu 65. Thắng lợi nào sau đây chứng tỏ khả năng đánh bại chiến tranh cục bộ (1965- 1968) của quân và dân miền Nam?

A. Đồng Xoài.

B. Van Tường.

C. Trung Lào.

D. Bình Giả.

Câu 66. Sau thất bại trong cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 của quân dân miền Nam, Mỹ phải “Mỹ hóa trở lại” chiến tranh có nghĩa là

A. chống phá kế hoạch lập Liên bang Đông Dương.

B. đã thể hiện quyết tâm đánh bại quân giải phóng.

C. sẽ sử dụng quân đội Sài Gòn như lực lượng chính.

D. thừa nhận sự thất bại của Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 67. Một trong những âm mưu của Mỹ khi sử dụng B52 đánh phá Hà Nội và các thành phố lớn ở Việt Nam từ 18-12-1972 đến 29-12-1972 là

A. buộc ký Hiệp định Pa-ris theo hướng có lợi cho Mỹ.

B. đem được tất cả các phi công bị bắt trở về nước Mỹ.

C. chi viện và cứu nguy cho mặt trận B3-Tây Nguyên.

D. không chế, hủy diệt đường Hồ Chí Minh trên biển.

Câu 68. Thắng lợi nào sau đây của quân và dân miền Nam là cơ sở để Đảng Lao động Việt Nam đề ra chủ trương giải phóng miền Nam?

A. Mậu Thân.

B. Vạn Tường.

C. Núi Thành.

D. Phước Long.

Câu 69. Thủ đoạn mới được Mỹ sử dụng trong chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh (1969-1973) là

A. trực thăng vận và thiết xa vận.

B. tiến hành thỏa hiệp với Liên Xô và Trung Quốc.

C. xây dựng nhiều “áp chiến lược”.

D. đã đưa quân Mỹ vào chiến đấu.

Câu 70. Một trong những âm mưu của Mỹ khi tiến hành chiến tranh phá miền Bắc lần thứ hai (1972) là

A. buộc quân dân Việt Nam đầu hàng không điều kiện.

B. không chế và hủy diệt đường Hồ Chí Minh trên bộ.

C. cứu nguy cho quân đội Sài Gòn đang sắp bị tiêu diệt.

D. buộc Việt Nam ký hiệp định theo hướng có lợi cho Mỹ.

Câu 71. Một trong những điểm tương đồng của chiến thắng Điện Biên Phủ (1954) và “Điện Biên Phủ trên không” (1972) về tác động đến mặt trận ngoại giao là

A. góp phần quyết định thắng lợi trên bàn đàm phán.

B. buộc kẻ thù phải thừa nhận xâm lược và rút quân.

C. giành ưu thế ngoại giao cho phe xã hội chủ nghĩa.

D. buộc Mỹ rút hết quân xâm lược và tay sai về nước.

Câu 72. Một trong những điểm giống nhau của chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh (1969-1973) và chiến lược chiến tranh cục bộ (1965-1968) mà Mỹ đã thực hiện ở miền Nam là

A. lực lượng chiến đấu chủ yếu.

B. phạm vi thực hiện chiến tranh.

C. mục đích tiến hành chiến tranh.

D. thủ đoạn mới được thực hiện.

Câu 73. Một trong những điểm giống nhau của chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là

A. huy động tối đa lực lượng.

B. phương châm chiến dịch.

C. phương thức để chiến đấu.

D. sự phối hợp của không quân.

Câu 74. Bài học kinh nghiệm nào sau đây được rút ra trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) vẫn còn nguyên giá trị đối với hôm nay

- A. kiên quyết sử dụng bạo lực giải quyết tranh chấp.
- B. kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.**
- C. thực hiện cùng lúc nhiều nhiệm vụ cách mạng mới.
- D. tranh thủ tối đa sự viện trợ từ các nước đồng minh.

Câu 75. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng vai trò của miền Bắc đối với miền Nam từ năm 1965 đến năm 1968?

- A. Là nơi quyết định trực tiếp kết quả của chiến trường.
- B. Là căn cứ địa duy nhất của các chiến trường.
- C. Là nơi cung cấp toàn bộ sức người cho tiền tuyến.
- D. Là nguồn sức mạnh tinh thần của tiền tuyến.**

Câu 76. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng nhân tố hàng đầu làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) của nhân dân Việt Nam?

- A. Đường lối lãnh đạo sáng tạo của Đảng Lao động Việt Nam.**
- B. Liên minh chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.
- C. Liên Xô và Trung Quốc đoàn kết, nhất trí ủng hộ, giúp đỡ.
- D. Cách mạng miền Nam phát huy được vai trò quyết định nhất.

Câu 77. Bài học kinh nghiệm nào sau đây được rút ra trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) vẫn còn nguyên giá trị đối với hôm nay

- A. thực hiện thể trận chiến tranh nhân dân.**
- B. xây dựng liên minh quân sự với Ấn Độ.**
- C. gia nhập vào các khối liên minh quân sự.
- D. liên kết chặt chẽ với các nước Đông Âu.**

Câu 78. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 của quân dân Việt Nam **không** tác động đến việc Mỹ

- A. phải tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam.**
- B. chấp nhận đàm phán để bàn về chấm dứt chiến tranh Việt Nam.
- C. bị lung lay ý chí xâm lược, phải rút dần quân đội Mỹ về nước.
- D. phải tuyên bố ngừng ném bom phá hoại miền Bắc.

Câu 79. Cuộc tiến công chiến lược 1972 đã chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của địch là

- A. Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.**
- B. Đông Nam Bộ, Quảng Nam, Quảng Ngãi.
- C. Quảng Bình, Thừa Thiên, Huế, Đà Nẵng.
- D. Quảng Bình, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.

Câu 80. Trong cuộc chiến đấu chống chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh, quân dân miền Nam Việt Nam đã giành được thắng lợi chính trị nào sau đây?

- A. Thắng lợi trong trận “Điện Biên Phủ trên không”.
- B. Thành công của Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.**
- C. Thắng lợi trong chiến dịch Đường 9 – Nam Lào.
- D. Thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập Đồng minh.

Câu 81. Thắng lợi quân sự nào của quân dân ta tác động trực tiếp buộc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán và kí Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam?

- A. Chiến thắng Vạn Tường (1965) ở miền Nam và trận “Điện Biên Phủ trên không” (1972) ở miền Bắc
- B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968) ở miền Nam và trận “Điện Biên Phủ trên không” (1972) ở miền Bắc.**
- C. Cuộc Tiến công chiến lược (1972) ở miền Nam và trận “Điện Biên Phủ trên không” (1972) ở miền Bắc.
- D. Thắng lợi của nhân dân miền Bắc chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất và lần thứ hai của Mỹ.

Câu 82. Tháng 1-1975, quân dân Việt Nam đã giành thắng lợi trong chiến dịch

- A. Huế-Đà Nẵng.
- B. Đường 9-Nam Lào.
- C. Tây Nguyên
- D. Đường 14-Phước Long**

Câu 83. Một trong những nội dung thuận lợi của cách mạng Việt Nam từ sau tháng 4-1975 là

A. được sự lãnh đạo của Đảng.

B. Mỹ dỡ bỏ những cấm vận kinh tế.

C. Khe-me đỏ nên nắm quyền.

D. Trung Quốc cải cách, mở cửa.

Câu 84. Sau khi lên nắm quyền (4/1975) chính quyền Pôn-Pốt đã có hành động nào sau đây?

A. Đi thăm Mỹ để mở rộng quan hệ đối ngoại cho Cam-pu-chia.

B. Ủng hộ hết lòng cho công cuộc xây dựng đất nước Việt Nam.

C. Phát động chiến tranh xâm lược biên giới Tây Nam Việt Nam.

D. Liên kết với các nước Đông Nam Á để chống lại Trung Quốc.

Câu 85. Một trong những nơi ghi dấu tội ác của tập đoàn Khe-me đỏ đối với nhân dân Việt Nam là

A. An Giang.

B. Cà Mau.

C. Bạc Liêu.

D. Cần Thơ.

Câu 86. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng tình hình quan hệ Việt - Trung từ giữa năm 1975?

A. Vẫn duy trì rất tốt đẹp.

B. Dân trở nên căng thẳng.

C. Chuyển sang đối đầu.

D. Trung Quốc xâm lược.

Câu 87. Nội dung phản ánh **không** đúng tình hình của mối quan hệ Việt-Trung từ giữa năm 1975 là Trung Quốc

A. chấm dứt viện trợ kinh tế.

B. rút các chuyên gia về nước.

C. xâm phạm khu vực biên giới.

D. ủng hộ Việt Nam toàn diện.

Câu 88. Âm mưu của Trung Quốc khi tấn công Việt Nam năm 1979 là

A. thần tốc, táo bạo, bất ngờ.

B. đánh nhanh thắng nhanh.

C. đánh ăn chắc, tiến ăn chắc.

D. chinh phục từng gói nhỏ.

Câu 89. Một trong những hành động thực thi chủ quyền của Chính phủ Việt Nam đối với quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa là

A. đưa lực lượng ra thực thi chủ quyền.

B. xây dựng các sân bay quốc tế lớn.

C. đã xây dựng nhiều căn cứ quân sự.

D. cho Mỹ thuê lại các bến cảng ở đảo.

Câu 90. Tháng 3 năm 1988, Trung Quốc đã sử dụng lực lượng lớn tấn công vào đảo

A. Phú Lâm.

B. Gạc Ma.

C. Đá Bắc.

D. Hữu Nhật.

Câu 91. Âm mưu của Khe-me đỏ khi xâm phạm các vùng lãnh thổ của Việt Nam là

A. xâm lược, chống phá Việt Nam.

B. bắt các ngư dân của Việt Nam.

C. nhằm gây tiếng vang với quốc tế.

D. tranh chấp lãnh thổ đang nổi ra.

Câu 92. Nội dung nào sau đây là đường lối đối ngoại phù hợp mà Việt Nam nên thực hiện đối với Trung Quốc hiện nay?

A. Khép lại quá khứ, hợp tác kinh tế nhưng cảnh giác đề phòng.

B. Tuyên truyền cổ động chống lại Trung Quốc trên mọi mặt.

C. Chuẩn bị sức mạnh quân sự để tấn công quân Trung Quốc.

D. Hợp tác với Nhật, Mỹ, Nga để cô lập toàn diện Trung Quốc.

Câu 93. Một trong những nguyên nhân thất bại của quân Trung Quốc năm 1979 là

A. số quân Trung Quốc tham chiến còn ít.

B. tinh thần chiến đấu của quân và dân ta.

C. đe dọa tấn công hạt nhân của Liên Xô.

D. sức mạnh các quân đoàn chủ lực của ta.

Câu 94. Nội dung nào sau đây là ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 đến nay?

A. Tạo điều kiện thuận lợi mở đầu công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Đông Nam Á.

B. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

C. Góp phần bảo vệ hoà bình của tổ chức ASEAN và Cộng đồng ASEAN.

D. Thể hiện tinh thần đoàn kết chiến đấu của các nước Đông Dương.

Câu 95. Nghệ thuật quân sự trong các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 vẫn có giá trị trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân hiện nay là

A. kết hợp chặt chẽ ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích).

B. kết hợp lực lượng chính quy và địa phương, lực lượng toàn dân với lực lượng du kích.

C. kết hợp chặt chẽ hai đội quân (bộ đội chủ lực, bộ đội chính quy).

D. kết hợp giữa mặt trận chính diện và mặt trận hậu phương.

Câu 96. Trong các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay, khối đại đoàn kết dân tộc đóng vai trò

A. là động lực phấn đấu của mỗi cá nhân.

B. là mục tiêu chiến lược của các chiến dịch.

C. là nền tảng tạo nên sức mạnh tổng hợp.

D. là động lực chủ yếu của các tổ chức, đoàn thể chính trị, xã hội.

Câu 97. Năm 1979, Trung Quốc đã cho quân tấn công dọc biên giới phía Bắc Việt Nam từ Quảng Ninh đến

A. Tây Ninh

B. Kiên Giang

C. An Giang

D. Lai Châu

Câu 98. Địa bàn nào sau đây trở thành chiến trường ác liệt giữa Việt Nam và Trung Quốc trong giai đoạn 1984 – 1989?

A. Dương Minh Châu (Tây Ninh)

B. Đồng Hới (Quảng Bình).

C. Vị Xuyên (Hà Giang).

D. Khâm Thiên (Hà Nội).

Câu 99. Văn kiện nào sau đây đã tạo cơ sở pháp lý để Việt Nam đấu tranh bảo vệ chủ quyền ở Biển Đông?

A. Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954).

B. Hiệp định Pa-ri (1973).

C. Tầm nhìn ASEAN 2020.

D. Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển.

Câu 100. Ngày nay, tổ chức nào giữ vai trò tập hợp, đoàn kết toàn dân Việt Nam để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc?

A. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

B. Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam.

C. Việt Nam độc lập đồng minh.

D. Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam.

PHẦN 2: CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1. Đọc tư liệu sau đây:

“Cộng đồng ASEAN sẽ được thành lập gồm ba trụ cột là hợp tác chính trị và an ninh, hợp tác kinh tế và hợp tác văn hoá - xã hội được gắn kết chặt chẽ và cùng tăng cường cho mục đích đảm bảo hoà bình, ổn định lâu dài và cùng thịnh vượng trong khu vực.”

(Trích: *Thoả ước Ba-li II (2003)*, Nguồn: Bộ Ngoại giao)

a) Theo nội dung tư liệu, Cộng đồng ASEAN ra đời và hoạt động dựa trên ba trụ cột nhằm tăng cường sự hợp tác, gắn kết giữa các nước trong khu vực.

b) Trong ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN, trụ cột về văn hoá - xã hội được các thành viên xác định là quan trọng nhất.

c) Một trong những mục tiêu thành lập Cộng đồng ASEAN là hướng tới duy trì hoà bình ổn định của khu vực Đông Nam Á.

d) Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN được thành lập phản ánh quy luật tất yếu của sự hợp tác giữa các nước trong xu thế hoà hoãn Đông - Tây.

Đáp án: Đúng – Sai – Đúng – Sai

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“1. Cơ hội rất tốt cho ta giành chính quyền.

2. Tình thế vô cùng khẩn cấp. Tất cả mọi việc đều phải nhằm vào ba nguyên tắc:

a) Tập trung - tập trung lực lượng vào những việc chính.

b) Thống nhất - thống nhất về mọi phương diện quân sự chính trị, hành động và chỉ huy.

c) Kịp thời — kịp thời hành động không bỏ lỡ cơ hội.

3. Mục đích cuộc chiến đấu của ta lúc này là giành quyền độc lập hoàn toàn.

4. Khẩu hiệu đấu tranh lớn lúc này là:

— Phản đối xâm lược!

— Hoàn toàn độc lập!

— Chính quyền nhân dân!

5. Đánh chiếm ngay những nơi chắc thắng, không kể thành phố hay thôn quê. Thành lập những uỷ ban nhân dân ở những nơi ta làm chủ”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết của hội nghị toàn quốc Đảng Cộng sản Đông Dương, Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 7, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.424 - 425)

- a) Đoạn tư liệu cho biết Đảng Cộng sản Đông Dương xác định thời cơ giành chính quyền đã đến.
- b) Tư tưởng chủ đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương là tiến hành khởi nghĩa ở cả nông thôn và thành thị, trong đó ưu tiên khởi nghĩa ở nông thôn.
- c) Một trong những nét đặc sắc về phương thức chỉ đạo giành chính quyền của Đảng Cộng sản Đông Dương là đã xác định ba nguyên tắc hành động: tập trung, thống nhất và kịp thời.
- d) Nội dung của Nghị quyết yêu cầu cần kịp thời chớp thời cơ để tiến hành Tổng khởi nghĩa.

Đáp án: Đúng – Sai – Đúng – Đúng

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi vẻ vang của các lực lượng hoà bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới".

(Hồ Chí Minh, Ba mươi năm hoạt động của Đảng, trích trong: Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 12, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.410)

- a) Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam có ý nghĩa to lớn.
- b) Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa đã tiêu diệt toàn bộ quân đội thực dân.
- c) Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam cho thấy sức mạnh của một nước thuộc địa.
- d) Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp chính thức đánh đổ chủ nghĩa thực dân trên thế giới.

Đáp án: Đúng – Sai – Đúng – Sai

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Vào 2 giờ 45 sáng ngày 30-1-1968, một đơn vị đặc công Việt Cộng đã dùng mìn nổ sập một mảng lớn tường bao quanh Đại sứ quán Mỹ tại Sài Gòn và tấn công vào sân sau toà đại sứ. Trong sáu giờ tiếp theo, một trong những biểu tượng quan trọng nhất về sự hiện diện của người Mỹ tại Việt Nam đã trở thành sân khấu của một trong những màn trình diễn kịch tính nhất trong cuộc chiến tranh, ... Trận đánh vào Đại sứ quán Mỹ chỉ là một phần nhỏ của cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968, một cuộc tấn công đồng loạt có hiệp đồng của Quân Giải phóng và các khu vực đô thị quan trọng của miền Nam Việt Nam".

(Gio-giơ Hơ-ring, Cuộc chiến dài ngày của nước Mỹ và Việt Nam (1950 - 1975), NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2004, tr.312)

- a. Đoạn tư liệu phản ánh sự kiện Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam tấn công Đại sứ quán Mỹ tại Sài Gòn đêm 30-1-1968.
- b. Đoạn tư liệu phản ánh tổn thất to lớn của Mỹ khi bị Quân Giải phóng tấn công vào Đại sứ quán tại Sài Gòn.
- c. Đoạn tư liệu khẳng định thắng lợi hoàn toàn của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968 của quân dân Việt Nam.
- d. Đoạn tư liệu thể hiện nghệ thuật quân sự của quân dân miền Nam trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968.

Đáp án: Đúng – Đúng – Sai – Đúng

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"[...] ý chí quyết tâm hy sinh vì nền độc lập, niềm tin sắt đá vào sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tạo nên sức mạnh làm điểm tựa cho cuộc đấu tranh ngoại giao. [...] Những chiến thắng trên chiến trường tạo nên sức nặng cho tiếng nói trong thương lượng, đem lại ưu thế trong đàm phán với đối phương. Chiến thắng Điện Biên Phủ vừa đúng một ngày trước khi Hiệp định Geneva [Giơ-ne-vơ] về Đông Dương nhóm họp đã nâng cao vị thế của Đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 đã buộc chính quyền Johnson [Giôn-xơn] phải ngồi vào bàn đàm phán. Chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không" cuối năm 1972 đã kết thúc quá trình hòa đàm Paris [Pa-ri]".

(Vũ Dương Ninh, Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam (1940 – 2020), NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.423-424)

- a. Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương và Hiệp định Pa-ri năm 1973 về Việt Nam đều được kí kết sau khi Việt Nam giành được những thắng lợi lớn về quân sự.
- b. Theo đoạn tư liệu trên, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 đã buộc chính quyền Giôn-xơn phải ngồi vào bàn đàm phán ở Pa-ri.
- c. Thực tiễn 30 năm chiến tranh cách mạng và giải phóng (1945 – 1975) ở Việt Nam chứng tỏ đấu tranh chính trị là yếu tố trực tiếp đưa tới việc kí kết các hiệp định hòa bình.
- d. Cục diện vừa đánh, vừa đàm trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) tiếp tục được Đảng vận dụng khéo léo và thành công trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

Đáp án: Đúng – Đúng – Sai – Sai

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Ngay khi cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc thắng lợi, chính quyền Campuchia Dân chủ do Pôn Pốt cầm đầu đã thực hiện chính sách diệt chủng đối với đồng bào Campuchia, đồng thời tiến hành những hành động phiêu lưu quân sự chống Việt Nam.

Miền Nam Việt Nam vừa được giải phóng thì tập đoàn Pôn Pốt đã mở ngay những cuộc hành quân khiêu khích, lấn chiếm lãnh thổ Việt Nam như chiếm đảo Phú Quốc ngày 3 tháng 5 năm 1975, Thổ Chu ngày 10 tháng 5 năm 1975 và xâm phạm nhiều vùng lãnh thổ khác dọc biên giới Hà Tiên đến Tây Ninh. Từ tháng 4 – 1977, tập đoàn Pôn Pốt tăng cường những cuộc hành quân lấn chiếm, mở rộng dần thành cuộc chiến tranh lớn trên toàn tuyến biên giới Tây Nam...

Để bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, quân và dân Việt Nam đã đánh trả quyết liệt, tiêu diệt toàn bộ cánh quân xâm lược. Cuộc tiến công quy mô lớn của tập đoàn Pôn Pốt hoàn toàn bị đập tan. Chiến thắng biên giới Tây Nam đã đè bẹp ý đồ xâm lược của tập đoàn Pôn Pốt, giáng đòn mạnh vào lực lượng quân đội của chúng, tạo thời cơ thuận lợi cho cách mạng Campuchia thắng lợi”.

(Lê Mậu Hãn (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, Tập 4, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012, tr.483,485)

- a. Sau khi lên nắm quyền ở Campuchia, chính quyền Pôn Pốt đã phát động cuộc chiến tranh xâm lược biên giới Tây Nam của Việt Nam.
- b. Cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Việt Nam đã tạo thời cơ thuận lợi cho nhân dân Campuchia lật đổ ách cai trị của tập đoàn Pôn Pốt.
- c. Chiến thắng của quân dân Việt Nam trước quân Pôn Pốt là thắng lợi của chủ trương đánh nhanh, thắng nhanh, không bị tổn thất người và của.
- d. Cuộc đấu tranh bảo vệ tổ quốc ở biên giới Tây Nam cho thấy sức mạnh chính nghĩa của quân dân Việt Nam, không chỉ có ý nghĩa trong nước mà còn góp phần duy trì hòa bình và ổn định khu vực.

Đáp án: Đúng – Đúng – Sai – Đúng